

TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI**  
**KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 295 /KTA - TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 02 tháng 8 năm 2023

V/v Giải trình Lợi nhuận sau thuế TNDN  
tại Báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ cho  
kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023.

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2023 và tình hình thực tế của CTCP Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (mã chứng khoán: PGD).

PGD xin giải trình nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo tài chính soát xét giữa niên độ cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2023 tăng 10,44% so với cùng kỳ năm 2022, cụ thể như sau:

**1. Tổng hợp một số chỉ tiêu chính:**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý 2 năm 2022	Quý 2 năm 2023	Chênh lệch	% tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)	(7)=(6)/(4)
1	Sản lượng khí	MMBTU	20.489.249,07	18.760.635,63	-1.728.613,44	-8,44%
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	5.914.242.350.413	4.954.595.381.072	-959.646.969.341	-16,23%
3	Giá vốn hàng bán	Đồng	5.496.678.990.890	4.529.164.748.307	-967.514.242.583	-17,60%
4	Lợi nhuận gộp	Đồng	417.563.359.523	425.430.632.765	7.867.273.242	1,88%
5	Tỷ lệ lãi gộp/Doanh thu	%	7,06%	8,59%	1,53%	21,67%
6	Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	Đồng	4.378.153.827	23.453.415.397	19.075.261.570	435,69%
7	Chi phí hoạt động và chi phí khác	Đồng	223.666.114.352	229.631.324.402	5.965.210.050	2,67%
8	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	198.278.423.614	218.684.595.272	20.406.171.658	10,29%
9	Thuế TNDN	Đồng	40.301.913.899	44.210.928.806	3.909.014.907	9,70%
10	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	157.976.509.715	174.473.666.466	16.497.156.751	10,44%

## 2. Nguyên nhân:

Sản lượng khí (Chỉ tiêu 1) giảm 1.728.613,44 MMBTU (tương đương giảm 8,44%) làm cho Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Chỉ tiêu 2) giảm 959.646.969.341 đồng (tương đương giảm 16,23%). Tuy nhiên, Giá vốn hàng bán (Chỉ tiêu 3) giảm 967.514.242.583 đồng (tương đương giảm 17,60%) làm cho Lợi nhuận gộp (Chỉ tiêu 4) tăng 7.867.273.242 đồng (tương đương tăng 1,88%). Ngoài ra, Lợi nhuận từ hoạt động tài chính (Chỉ tiêu 6) tăng 19.075.261.570 đồng (tương đương tăng 435,69%) làm Lợi nhuận trước thuế (Chỉ tiêu 8) tăng 20.406.171.658 đồng (tương đương tăng 10,29%) so với cùng kỳ năm 2022. Theo đó, Lợi nhuận sau thuế (Chỉ tiêu 10) tăng 16.497.156.751 đồng (tương đương tăng 10,44%) so với cùng kỳ năm 2022.

Trân trọng!

### Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Người CBTT (để t/h);
- Lưu VT, TCKT. MH(02).

lca

**GIÁM ĐỐC**



**Trần Thanh Nam**

